

MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM

LẠI VIẾT QUANG*

Bảo vệ trẻ em là trách nhiệm của các nhà nước cũng như toàn xã hội. Hành vi xâm hại tình dục trong đó có bóc lột tình dục trẻ em là hành vi vi phạm nghiêm trọng các quyền của trẻ em và là vấn đề hết sức phức tạp, gây ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh, bình thường cả về tâm, sinh lý của các em, gây đau khổ, thiệt thòi cho các gia đình và thân nhân của nạn nhân, làm mất trật tự xã hội. Để đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định một số tội phạm như: Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144); Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)... Với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp xác định rõ trách nhiệm của mình khi thực hiện nhiệm vụ nhất là các vụ án, vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, góp phần quan trọng trong việc đấu tranh, xử lý các loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em. Tuy nhiên, trên thực tiễn còn nhiều khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến đến hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm

sát điều tra việc giải quyết các loại tội phạm này. Cụ thể:

1. Trong giải quyết tố giác tin báo về tội phạm

Việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm này còn nhiều vướng mắc do người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ tố giác không kịp thời, cung cấp không đầy đủ các thông tin cần thiết về tội phạm. Do nhận được thông tin muộn nên khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm tra thân thể nạn nhân thì kết quả không còn để lại dấu vết, hoặc dấu vết không có giá trị chứng minh; khó xác định tuổi của bị hại do không đăng ký khai sinh kịp thời, đến khi đi học mới đăng ký, không có tài liệu xác định thời điểm sinh, kết quả giám định tuổi mâu thuẫn... Có nhiều trường hợp khi phát hiện hoặc tiếp nhận không đúng thẩm quyền, nhưng cấp xã vẫn giữ xác minh, hòa giải dân sự giữa hai bên, một thời gian sau khi hòa giải không đạt kết quả mới được chuyển đến cấp có thẩm quyền để kiểm tra, xác minh. Do vậy, có những dấu vết hoặc tình tiết không thể thu thập được, nên phải kéo dài thời gian giải quyết hoặc không chứng minh được tội phạm dẫn đến vụ án phải tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra do không xác định được

* Tiến sĩ, Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

2. Trong việc xác định chứng cứ

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án (Điều 86). Chứng cứ được thu thập, xác định từ các nguồn Vật chứng; Lời khai, lời trình bày; Dữ liệu điện tử; Kết luận giám định, định giá tài sản; Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; Các tài liệu, đồ vật khác (Điều 87). Tuy nhiên, đối với các tội xâm hại tình dục trẻ em có những đặc thù như đối tượng thực hiện ở những nơi vắng người, ít người chứng kiến, việc xử lý của gia đình bị hại ngay sau khi trẻ bị xâm hại như tắm rửa, giặt quần áo... đã làm mất các dấu vết có giá trị chứng minh hành vi phạm tội. Đặc biệt, bị hại là trẻ em lúc nhớ lúc quên, việc khai báo không đồng nhất nên việc xác định, thu thập chứng cứ gặp nhiều khó khăn như sau:

Thứ nhất, thu thập dấu vết tại hiện trường, trên thân thể

Do đặc điểm các loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em liên quan đến tình dục nên thường các đối tượng thực hiện ở nơi vắng vẻ hoặc đối tượng thường tạo hiện trường giả để trốn tránh sự phát hiện. Thực tiễn cho thấy, phần lớn các vụ xâm hại tình dục trẻ em xảy ra ở

nơi vắng vẻ như ở trong nhà, bờ sông, bãi mía, nương ngô, vườn sắn, trong vạt rừng, bãi bồi ven sông... và hiện trường thường bị xáo trộn. Vì thế, hiện trường của các vụ án xâm hại tình dục trẻ em tuy có tồn tại những dấu vết phản ánh sự tấn công, vật lộn, chống trả... nhưng hầu hết các dấu vết sinh vật với số lượng ít, không nguyên dạng và đã bị biến đổi. Một số dấu vết khác thì tồn tại trên cơ thể, trang phục, đồ vật của thủ phạm và nạn nhân, di động theo cơ thể của họ nên rất khó phát hiện để thu thập.

Bên cạnh đó, rất nhiều những vụ án xâm hại tình dục trẻ em, sau khi gia đình phát hiện không đưa đến cơ sở y tế ngay mà lại lau rửa cho trẻ, chính điều này làm xóa đi các dấu vết trên thân thể, gây khó khăn cho việc thu thập. Nhiều trường hợp rất lâu sau mới đi tố cáo (do không nhận được bồi thường như đối tượng hứa hẹn...) các dấu vết bị khô, mờ... nên không xác định được.

Thứ hai, lấy lời khai của người làm chứng

Thông thường, người làm chứng trực tiếp chứng kiến hành vi xâm hại tình dục của người phạm tội đối với trẻ em là rất ít. Hơn nữa, do tâm lý e ngại, xấu hổ nên nếu có nhìn thấy, họ cũng ít khi thừa nhận sự chứng kiến của mình để khai báo. Vì vậy, người làm chứng trong các vụ án lạm dụng tình dục trẻ em thường rất ít và đa số là người thân của người bị hại. Người làm chứng thường là người trong gia đình, bạn bè, người cùng học, đang cùng đi đường, đang cùng vui chơi, sinh hoạt, cùng sống... với trẻ em. Họ thường

có quan hệ rất gần gũi với người bị hại và lời khai của họ thường có xu hướng bảo vệ thiên lệch cho người bị hại. Do đó việc thu thập lời khai từ người làm chứng trực tiếp cũng tạo ra khó khăn trên thực tiễn hiện nay.

Thứ ba, bị hại là trẻ em

Với những khó khăn trong việc thu thập dấu vết tại hiện trường và lấy lời khai của người làm chứng thì một trong những nguồn chứng cứ quan trọng là lời khai của bị hại. Tuy nhiên, bị hại là trẻ em và bị xâm hại tình dục nên việc lấy lời khai của trẻ cũng nhiều khó khăn. Trẻ em sau khi bị xâm hại bị nhiều những ảnh hưởng về tâm sinh lý như: lo lắng, sợ hãi, trầm cảm như trầm cảm ẩn, cô lập, tự vẫn, tự gây thương tích, tự ti, lạm dụng đồ uống có cồn hoặc thuốc lá hoặc ma túy, tự hủy hoại bản thân. Hoặc có những tâm lý kỳ thị như liên tưởng tiêu cực, xấu xa, nhục nhã, tội lỗi và phát triển trở thành một phần hình ảnh trong tâm thức trẻ khi trẻ tự ý thức về bản thân. Do đó, việc tiếp xúc, lấy lời khai với trẻ gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn. Việc đặt câu hỏi làm trẻ gợi nhớ thông tin về đối tượng và diễn biến của sự việc phạm tội vô hình chung làm trẻ bị tổn thương thêm lần nữa.

Bên cạnh đó, nhiều tâm lý từ phía gia đình bị hại không muốn tố cáo hành vi phạm tội do sợ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm gia đình hay bị đối tượng đe dọa tố giác thì sẽ bị đánh đập, giết chết hoặc sẽ phá hoại về kinh tế, danh dự nhân phẩm của họ. Hoặc đối tượng vỗ về, đưa ra những lợi ích vật chất để mua

chuộc người bị hại và gia đình như: hứa bồi thường chu đáo, cho thêm nhiều tiền, đưa cho tài sản có giá trị và ép gia đình bị hại rút đơn yêu cầu truy tố... Điều này cũng tạo ra khó khăn trong việc lấy lời khai bị hại.

3. Việc đánh giá chứng cứ, tội danh

Việc đánh giá chứng cứ, tội danh giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không có sự thống nhất, do nhận thức khác nhau về các quy định của pháp luật, hoặc do áp lực sợ oan sai phải bồi thường và bị xử lý kỷ luật nên nhiều vụ án phải kéo dài thời gian giải quyết hoặc không xử lý được triệt để.

Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung vào cấu thành tội phạm của các tội phạm về tình dục nói chung và tội phạm liên quan đến tội phạm tình dục trẻ em nói riêng hành vi “quan hệ tình dục khác”. Trước đây, nhận thức hành vi giao cấu được hiểu theo Hướng dẫn tại Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về tình dục số 329 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao thì “giao cấu là hành vi đưa bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ không kể sự xâm nhập đó sâu hay nông”; còn “dâm ô tức là có hành vi bĩ ối đối với người khác, tuy không phải là hành vi giao cấu nhưng cũng nhằm thỏa mãn tình dục của mình hoặc kêu gọi bản năng tình dục của người khác (ví dụ: dùng tay sờ mó hoặc kích thích bộ phận sinh dục, tác động dương vật vào những chỗ khác trong thân thể người phụ nữ ngoài bộ phận sinh dục hoặc chỉ quẹt bên ngoài bộ phận sinh dục không có ý định đưa

duyệt vật vào âm đạo, bắt nạt nhân sò mó bộ phận sinh dục của mình...)". Theo Hướng dẫn này thì giao cấu là hành vi đưa bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ là phạm tội hiếp dâm. Còn lại là hành vi dâm ô. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hành vi "quan hệ tình dục khác". Vậy hành vi quan hệ tình dục khác như thế nào cũng phải được hướng dẫn cụ thể để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng khi tiến hành tố tụng.

Thực tế hiện nay các cơ quan tiến hành tố tụng trong đó có Viện kiểm sát nhân dân gặp phải quan điểm khó khăn trong việc xác định tội danh của loại tội phạm này. Ví dụ: đối tượng có hành vi cho tay vào âm đạo hay cho dương vật vào miệng, hậu môn nạn nhân để thỏa mãn tình dục thì xác định hành vi là dâm ô hay quan hệ tình dục khác; nữ giới sử dụng công cụ tình dục xâm nhập vào trong cơ thể nạn nhân (âm đạo, miệng, hậu môn) để thỏa mãn tình dục thì có là chủ thể của tội hiếp dâm... cũng tạo ra sự khó khăn trong thực tiễn.

4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án xâm hại tình dục trẻ em

Để nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án xâm hại tình dục trẻ em, chúng tôi đưa ra giải pháp sau:

Thứ nhất, cần ban hành văn bản hướng dẫn, giải thích hành vi quan hệ tình dục khác

Để xác định đúng tội danh, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành

hướng dẫn, giải thích "thế nào là hành vi quan hệ tình dục khác"? Rõ ràng hành vi "quan hệ tình dục khác" không phải là hành vi giao cấu và thỏa mãn nhu cầu tình dục của người thực hiện hành vi đó. Đồng thời, phải phân biệt được hành vi "quan hệ tình dục khác" với hành vi "dâm ô". Việc giải thích "hành vi quan hệ tình dục khác" sẽ giải quyết vấn đề nữ giới có là chủ thể tội phạm (người thực hành) hay không.

Thứ hai, Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ hoạt động khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết trên thân thể, trưng cầu giám định kịp thời xác định chính xác, nhanh chóng người thực hiện hành vi phạm tội để có quyết định tố tụng đúng đắn, nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử góp phần hạn chế oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết trên thân thể là hoạt động rất quan trọng, đòi hỏi phải được tiến hành nhanh chóng, khẩn trương, kịp thời và không bỏ sót. Do đó, Kiểm sát viên cần chú ý kiểm sát chặt chẽ các hoạt động kỹ thuật của Điều tra viên, giám định viên, kỹ thuật viên, kịp thời phát hiện những sai sót để yêu cầu khắc phục. Đồng thời kiểm sát chặt chẽ việc phát hiện, mô tả, thu giữ dấu vết, vật chứng; đảm bảo phát hiện, thu giữ đầy đủ, khách quan các dấu vết, vật chứng tại hiện trường như: Dấu vết máu, tinh dịch, lông, tóc, sợi và các dấu vết, vật chứng khác. Và các dấu vết: phản ánh sự vật lộn, chống trả như: Cỏ cây dập nát, quần áo bị rơi trên mặt đất, chiếu bị xô lệch, vết trượt của giày dép ở hiện trường...; Dấu vết sinh vật

như: Máu, tinh dịch, khí hư, mảnh da, lông, tóc, móng tay...; Dấu vết lõm để lại trên nền hiện trường mềm như: Dấu của khuỷu tay, đầu gối, mông, vai, lưng, bàn tay...; Dấu vết để lại trên cơ thể thủ phạm và nạn nhân như: Dấu vết cắn, cào, xước, rách da, gãy xương, dập cơ, bầm tím, sung tẩy, tổn thương ở bộ phận sinh dục, tinh trùng, khí hư, máu...; các dấu vết khác như: Dấu vết chân, dấu vết giày dép, dấu vết vân lốp bánh xe... để lại tại hiện trường. Việc khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết kỹ càng sẽ giúp cho việc củng cố chứng cứ, truy tố chắc chắn.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài việc trung cầu giám định xác định tuổi của bị hại, các thương tích, tỷ lệ thương tích và mức độ tổn hại về sức khỏe của người bị hại... thì một trong vấn đề Kiểm sát viên cần lưu ý đó là việc giám định khả năng tình dục của đối tượng. Đây là vấn đề quan trọng xác định chủ thể của tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

Thứ ba, Kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án của Điều tra viên

Một trong những vi phạm Điều tra viên hay gặp phải là việc tẩy xóa, viết thêm không có ký xác nhận trong biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai hoặc điền ngày, giờ vào sau biên bản này. Do đó, để chứng cứ được chặt chẽ, Kiểm sát viên ngoài việc kiểm sát các hoạt động điều tra thì cần kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án của Điều tra viên. Đảm bảo việc thống kê và đóng dấu bút lục vào biên bản, tài liệu trong hồ sơ vụ án

đúng quy định tại Điều 35 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ tư, thực hiện nghiêm túc việc phối hợp giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên trong việc đánh giá chứng cứ trước khi kết thúc điều tra

Theo quy định tại Điều 31 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì: Chậm nhất 10 ngày đối với vụ án ít nghiêm trọng và nghiêm trọng, 15 ngày đối với vụ án rất nghiêm trọng, 20 ngày đối với vụ án đặc biệt nghiêm trọng trước khi kết thúc điều tra hoặc hết thời hạn điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp để đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu và các thủ tục tố tụng của vụ án... Việc phối hợp để đánh giá chứng cứ, tài liệu và các thủ tục tố tụng của vụ án giúp cho việc truy tố tội phạm được đúng đắn, tránh tình trạng xảy ra thiếu sót do lỗi chủ quan của Điều tra viên và Kiểm sát viên đến khi chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát hoặc Tòa án mới phát hiện mà không thể khắc phục được dẫn đến phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm vụ án bị kéo dài./.